

Số: *2533* /GPMT-UBND

Thái Nguyên, ngày *30* tháng *6* năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 997/QĐ-UBND ngày 06/5/2022 của UBND tỉnh phê duyệt 13 quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Xét Văn bản số 1502/CV-TNH ngày 23/6/2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn bệnh viện TNH;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 579/TTr-SNNMT ngày 25/6/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty Cổ phần Tập đoàn bệnh viện TNH thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Bệnh viện Đa khoa Yên Bình Thái Nguyên (phân kỳ I - Quy mô 150 giường bệnh) với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung về cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Bệnh viện Đa khoa Yên Bình Thái Nguyên (phân kỳ I - Quy mô 150 giường bệnh).

1.2. Địa điểm: Phường Nam Tiến, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên (sau sáp nhập phường, xã thuộc phường Vạn Xuân, tỉnh Thái Nguyên).

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định thành lập.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp số: 4601039023, đăng ký lần đầu ngày 19/3/2012, do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên (nay là Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên) cấp, đăng ký lần đầu ngày 19/3/2012, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 08/7/2024.

1.4. Mã số thuế: 4601039023.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khám bệnh, chữa bệnh.

1.6. Phạm vi, quy mô của cơ sở

- Diện tích sử dụng đất: 9.640,2m².

- Nhóm dự án (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Bệnh viện Đa khoa Yên Bình Thái Nguyên có tiêu chí tương đương dự án nhóm B.

- Bệnh viện Đa khoa Yên Bình Thái Nguyên có tiêu chí về môi trường tương đương dự án đầu tư nhóm II theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Quy mô giường bệnh: 150 giường bệnh (phân kỳ I).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Tập đoàn bệnh viện TNH

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Tập đoàn bệnh viện TNH có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải, bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Giấy phép môi trường có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày được ký ban hành.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Y tế, UBND phường Vạn Xuân và các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này và các yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Sở Y tế;
- UBND phường Vạn Xuân;
- Công ty Cổ phần Tập đoàn bệnh viện TNH;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Trung tâm PV Hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT, CNN&XD.

Manhpn/6/2025_MC

ML

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Loan



Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2033 /GPMT-UBND ngày 30/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

Gồm 05 nguồn nước thải phát sinh với tổng lưu lượng tối đa $80\text{m}^3/\text{ngày}$, cụ thể:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân viên, y bác sĩ, bệnh nhân, thân nhân thăm nuôi người bệnh (từ vệ sinh, tắm giặt, rửa tay chân).
- Nguồn số 02: Nước thải khu giặt là.
- Nguồn số 03: Nước thải khu nhà bếp (tại nhà dinh dưỡng 4 tầng).
- Nguồn số 04: Nước thải y tế (nước thải từ vệ sinh trang thiết bị xét nghiệm, rửa dụng cụ của khu phẫu thuật).
- Nguồn số 05: Nước thải phát sinh từ hệ thống lọc nước giếng khoan và từ hệ thống lọc nước RO.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

Gồm 01 dòng nước thải sau xử lý tại Trạm XLNT xả ra nguồn tiếp nhận tại 01 cửa xả.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Mương thoát nước của khu vực (phía Bắc Bệnh viện) thuộc phường Nam Tiến, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên (sau sáp nhập phường, xã thuộc phường Vạn Xuân, tỉnh Thái Nguyên).

2.2. Vị trí xả nước thải

- Mương thoát nước chung của khu vực (phía Bắc Bệnh viện).
- Tọa độ vị trí xả nước thải: $X = 2368033$ (m); $Y = 435037$ (m) (theo Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $106^{\circ}30'$, múi chiếu 3°).

2.3. Lưu lượng xả thải lớn nhất: $80\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ (khoảng $3,33\text{m}^3/\text{giờ}$).

2.4. Phương thức xả nước thải

- Nước thải sau khi xử lý tự chảy theo đường ống inox D110 dài khoảng 3m dẫn xả vào mương thoát nước khu vực (phía Bắc Bệnh viện) thuộc phường Vạn Xuân, tỉnh Thái Nguyên.

- Phương thức xả: Tự chảy, xả mặt.

2.5. Chế độ xả nước thải: Xả liên tục (24 giờ/ngày).

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 28:2010/BTNMT (cột A) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế, trong đó các thông số: pH, Tổng Coliform, Salmonella, Shigella và Vibrio cholera áp dụng hệ số K = 1; các thông số còn lại áp dụng hệ số K = 1,2) đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2031, cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6,5 - 8,5	Không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ theo quy định	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	36		
3	COD	mg/l	60		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	60		
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1,2		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	6		
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	36		
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	7,2		
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	12		
10	Tổng coliform	MPN/100ml	3000		
11	Salmonella	Vi khuẩn/100ml	KPH		
12	Shigella	Vi khuẩn/100ml	KPH		
13	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/100ml	KPH		

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2032, áp dụng QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột A, Bảng 1 với $F \leq 2.000\text{m}^3/\text{ngày}$, cột A, Bảng 2), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6 - 9	Không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ theo quy định	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	≤40		
3	COD	mg/l	≤65		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	≤40		
5	Tổng Nitơ	mg/l	≤20		
6	Tổng Phốt pho	mg/l	≤8,0		

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
7	Amoni	mg/l	$\leq 5,0$		
8	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/l	$\leq 3,0$		
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	$\leq 5,0$		
10	Clo dư	mg/l	$\leq 1,0$		
11	Chloroform	mg/l	$\leq 0,3$		
12	Tổng Coliform	MPN/100ml	≤ 3000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh về Trạm xử lý nước thải (XLNT) gồm:

- Nguồn số 01 (nước thải sinh hoạt):

+ Nước thải xám (nước rửa tay chân, tắm, rửa sàn) tại các tầng nhà thu theo ống đứng đặt trong hộp kỹ thuật âm tường gồm ống nhựa PVC D90, PVC D140 chảy vào hệ thống thoát nước thải PVC D200, BTCT D300 về trạm XLNT tập trung để xử lý.

+ Nước thải đen từ các khu nhà vệ sinh được thu gom theo đường ống PVC D90, PVC D140 về xử lý sơ bộ qua 03 bể tự hoại với tổng dung tích 48m^3 sau đó chảy vào hệ thống thoát nước thải PVC D200, BTCT D300 về trạm XLNT tập trung để xử lý.

- Nguồn số 02: Nước thải khu giặt là (tại tầng 1 nhà dinh dưỡng 4 tầng); thành phần gồm chất rắn lơ lửng và các chất tẩy rửa được thu gom theo đường ống D200, BTCT D300 về trạm XLNT tập trung để xử lý.

- Nguồn số 03: Nước thải khu nhà bếp (tại tầng 3 và tầng 4 trong nhà dinh dưỡng 4 tầng); thành phần chủ yếu gồm các chất hữu cơ (BOD5), chất dinh dưỡng (tổng N, tổng P), chất rắn lơ lửng, dầu mỡ, chất tẩy rửa. Nước thải từ nhà bếp thu gom theo đường ống PVC D110 về bể tách mỡ dung tích 3m^3 sau đó theo đường ống D200, BTCT D300 về trạm XLNT tập trung để xử lý.

- Nguồn số 04: Nước thải y tế (nước thải từ vệ sinh trang thiết bị xét nghiệm, rửa dụng cụ của khu phẫu thuật tại tòa nhà khám chữa bệnh 8 tầng); thành phần gồm các hóa chất (hóa chất xét nghiệm, hóa chất tẩy rửa) và chất hữu cơ được quản lý như sau: Đối với trường hợp các xét nghiệm có sử dụng các hóa chất độc hại đậm đặc (phát sinh khoảng 1 lít/tháng), khi phát sinh sẽ được lưu chứa vào thùng chứa riêng biệt, quản lý như chất thải nguy hại, sau đó thuê đơn vị có năng lực, được cấp phép xử lý theo quy định). Đối với nước thải tráng chai lọ trong quá trình xét nghiệm thành phần là các hóa chất, dịch bám dính lại chai lọ được thu gom theo đường ống PVC D90, PVC D140 đặt trong hộp kỹ thuật âm tường dẫn vào hệ thống thoát nước thải PVC D200, BTCT D300 về trạm XLNT tập trung để xử lý.

- Nguồn số 05: Nước thải phát sinh từ hệ thống lọc nước giếng khoan và từ hệ thống lọc nước RO; thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng trong đó:

+ Nước thải từ hệ thống lọc nước giếng khoan (tại phía Đông Nam Bệnh viện) phát sinh khi rửa lọc (định kỳ khoảng 20 ngày rửa 1 lần, mỗi lần 20m³) được thu gom theo đường ống PVC D200 và BTCT D300 về trạm XLNT tập trung để xử lý.

+ Nước thải phát sinh từ hệ thống lọc nước RO (trên mái tòa nhà khám chữa bệnh 8 tầng), được thu gom theo đường ống PVC D90, PVC D140 đặt trong hộp kỹ thuật âm tường dẫn vào hệ thống thoát nước thải PVC D200, BTCT D300 về trạm XLNT tập trung để xử lý.

Tổng chiều dài hệ thống đường ống PVC D60, D90, D110, D140, D200 dài khoảng 1.699,3m; BTCT D300 dài khoảng 100,7m thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh dẫn về trạm XLNT tập trung, trên tuyến bố trí 06 hố ga lắng cặn.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Công trình xử lý sơ bộ: Gồm 3 bể tự hoại với tổng dung tích 48m³ (02 bể đặt dưới tòa nhà 8 tầng và 01 bể đặt dưới tòa nhà dinh dưỡng); 01 bể tách mỡ dung tích 3m³ (01 bể đặt phía sau tòa nhà dinh dưỡng).

- Trạm XLNT tập trung: Đã xây dựng 01 Trạm XLNT công suất 80m³/ngày, xử lý bằng công nghệ tổ hợp bao gồm các kỹ thuật: Xử lý thiếu khí, hiếu khí kết hợp với bể lắng, lọc và khử trùng.

Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt (sau khi được xử lý sơ qua bể tự hoại), nước thải từ khu giặt là, nước thải từ khu nhà bếp (sau khi được xử lý sơ bộ qua bể tách mỡ), nước thải từ hoạt động khám chữa bệnh, rửa lọc nước giếng khoan, nước thải từ hệ thống lọc RO → Hố gom (có bố trí song chắn rác) → Bể điều hòa → Mô đun xử lý sinh học (Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng) → Bể khử trùng → Bể lọc áp lực → Đường ống D110 dài 03m → mương thoát nước của khu vực phía Bắc Bệnh viện qua 01 cửa xả. Bố trí 01 bể chứa bùn thải.

Máy móc, thiết bị gồm: 02 bơm chìm công suất $9\text{m}^3/\text{giờ}$ bơm nước thải từ bể điều hòa lên mô đun xử lý sinh học, bơm hoạt động luân phiên (công suất điện $0,4\text{kW}/\text{bơm}$); 02 bơm tuần hoàn bể hiếu khí công suất $4\text{m}^3/\text{giờ}$, bơm hoạt động luân phiên (công suất điện $0,25\text{kW}/\text{bơm}$); 01 bơm định lượng hóa chất khử trùng công suất $1\text{m}^3/\text{giờ}$ (công suất điện $0,045\text{kW}$); 02 máy thổi khí tại bể hiếu khí công suất $1,5\text{m}^3/\text{phút}$, hoạt động luân phiên (công suất $2,2\text{kW}/\text{máy}$); 02 bơm bùn tại bể lắng công suất $3\text{m}^3/\text{giờ}$, bơm hoạt động luân phiên (công suất điện $0,25\text{kW}$); 01 máy khuấy tại bể hiếu khí với tốc độ 60-80 vòng/phút (công suất $0,4\text{kW}/\text{thiết bị}$), hoạt động luân phiên; 01 tủ điều khiển Trạm XLNT.

Hóa chất sử dụng: Javel $16\text{lít}/\text{ngày}$.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và mục 3 Phụ lục XXVIII Phụ lục kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

1.4.1. Nguy cơ sự cố

- Sự cố Trạm XLNT chủ yếu là sự cố thiết bị, sự cố rò rỉ, tắc đường ống thu gom nước thải, sự cố quá tải, non tải, sự cố chết vi sinh, sự cố chất lượng nước không đạt,...

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa

- Đối với sự cố hỏng thiết bị Trạm XLNT: Tuân thủ quy trình vận hành và bảo dưỡng máy móc, thiết bị; bố trí máy móc hoạt động luân phiên, dự phòng; thường xuyên theo dõi hoạt động của máy móc, thiết bị để kịp thời phòng ngừa, phát hiện, sửa chữa sự cố hỏng hóc; tập huấn cho công nhân vận hành về việc phòng ngừa, ứng phó sự cố.

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống đường ống thu gom nước thải kịp thời phát hiện các nguy cơ sự cố rò rỉ, tắc đường ống để khắc phục, xử lý.

- Sự cố chết vi sinh tại bể hiếu khí: Vận hành thường xuyên hệ thống cấp khí và kiểm soát các nguồn nước đầu vào chứa phần nguy hại vào hệ thống xử lý nước thải gây sốc, chết hệ vi sinh.

- Đối với sự cố quá tải: Trạm XLNT được thiết kế với hệ số an toàn $>1,2$ để phòng ngừa việc quá tải.

- Đối với sự cố non tải: Lắp đồng hồ đo lưu lượng đầu vào để kiểm soát lưu lượng; thiết kế hồ gom nước thải đầu vào để lưu chứa và gom nước thải đảm bảo hoạt động hiệu quả khi lưu lượng nước thải phát sinh dưới 50% công suất thiết kế của Trạm XLNT để kịp thời bổ sung dinh dưỡng, duy trì hoạt động của hệ vi sinh của Trạm XLNT.

1.4.3. Biện pháp ứng phó sự cố

- Đối với sự cố hỏng thiết bị Trạm XLNT: Vận hành luân phiên máy móc, thiết bị của Trạm XLNT; kịp thời sửa chữa, thay thế các thiết bị bị sự cố, hư hỏng đảm bảo luôn có thiết bị dự phòng, hoạt động luân phiên.

- Đối với sự cố tắc, rò rỉ đường ống: Thực hiện thông tắc các đoạn đường ống bị tắc đảm bảo nước thải được dẫn về Trạm XLNT; thay thế ngay các đoạn đường ống bị rò rỉ để đảm bảo thu gom toàn bộ nước thải phát sinh về Trạm XLNT.

- Sự cố chết vi sinh tại bể hiếu khí: Đề khắc phục sự cố sẽ bổ sung vi sinh và dinh dưỡng để khôi phục hoạt động của hệ vi sinh.

- Đối với sự cố non tải: Bổ sung dinh dưỡng, duy trì hoạt động của hệ vi sinh của Trạm XLNT.

- Đối với sự cố chất lượng nước không đạt: Dừng bơm nước thải sau xử lý ra hệ thống thoát nước; thực hiện bơm tuần hoàn nước thải về bể xử lý đồng thời bổ sung vi sinh và dinh dưỡng để tăng hiệu quả xử lý, đảm bảo nước thải được xử lý đáp ứng quy chuẩn môi trường trước khi xả thải.

- Đối với sự cố quá tải: Các bể chứa của trạm XLNT đều được thiết kế với hệ số dự phòng để lưu chứa tại chỗ khi xảy ra sự cố. Công suất của trạm XLNT là $80\text{m}^3/\text{ngày}$, khi sự cố xảy ra sẽ khoá van xả nước thải, nước thải sẽ được lưu chứa tại phần dự phòng trong các bể của Trạm XLNT với tổng dung tích khoảng 45m^3 . Như vậy thời gian lưu nước để khắc phục sự cố khoảng 12h. Trong trường hợp thời gian khắc phục sự cố kéo dài, Bệnh viện sẽ thuê đơn vị có chức năng, được cấp phép theo quy định đến hút đưa đi xử lý hợp vệ sinh đảm bảo theo quy định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Căn cứ Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường 2020 và khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ (sửa đổi Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ), trạm XLNT tập trung công suất $80\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm không có thay đổi so với Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 4684/GXN-UBND ngày 30/9/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên (Giấy phép môi trường thành phần). Do đó, Chủ cơ sở không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh của cơ sở đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả ra môi trường. Tuyệt đối không được đầu nối, xả nước thải vào hệ thống thoát nước mưa; tuyệt đối không xả nước thải chưa xử lý đạt quy chuẩn ra môi trường.

3.2. Điểm xả nước thải phải có biển cảnh báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

3.3. Thực hiện lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng đầu ra của Trạm XLNT theo khoản 24 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; khuyến khích lắp đặt công tơ điện độc lập; lập sổ nhật ký vận hành và ghi chép đầy đủ các nội dung: Lưu lượng đầu ra, các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra; lượng điện tiêu thụ, loại và lượng hoá chất sử dụng, viết bằng tiếng Việt lưu giữ tối thiểu 2 năm theo khoản 24 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, vật liệu, hóa chất để vận hành thường xuyên, liên tục đảm bảo hiệu quả xử lý của Trạm XLNT.

3.5. Tự theo dõi, giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động của Trạm XLNT, kiểm soát được các thông số ô nhiễm môi trường trong nước thải; chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại mục 2.6 Phần A Phụ lục này. Trường hợp phát hiện các thông số ô nhiễm vượt quá giới hạn cho phép phải dừng ngay việc xả nước thải và thực hiện ngay các biện pháp khắc phục để xử lý triệt để ô nhiễm; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại nếu để xảy ra ô nhiễm môi trường tại khu vực.



Phụ lục 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YẾU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: **1523** /GPMT-UBND ngày **30 / 6 /2025** của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

Nguồn phát sinh: Gồm 04 nguồn ồn, rung, cụ thể như sau:

- Nguồn số 01: Phát sinh từ máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 02: Phát sinh từ quạt hút tòa nhà dinh dưỡng.
- Nguồn số 03: Phát sinh từ máy bơm nước thải của trạm xử lý nước thải.
- Nguồn số 04: Phát sinh từ máy thổi khí của trạm xử lý nước thải.

2. Tiếng ồn, độ rung:

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, đến hết ngày 31/12/2026, cụ thể như sau:

- Tiếng ồn:

TT	Từ 6 - 21 giờ (dBA)	Từ 21 - 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	55	45	-	Khu vực đặc biệt

- Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 - 21 giờ	Từ 21 - 6 giờ		
1	60	55	-	Khu vực đặc biệt

Kể từ ngày 01/01/2027, tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

- Tiếng ồn:

Khu vực bị ảnh hưởng	Khoảng thời gian		
	Ngày (06h00 đến trước 18h00)	Tối (18h00 đến trước 22h00)	Đêm (22h00 đến trước 6h00)
Khu vực A	50	45	40

- Độ rung:

Khu vực bị ảnh hưởng	Khoảng thời gian	
	Ngày (06:00 ~ trước 22:00)	Đêm (22:00 ~ trước 06:00)
Khu vực A	60	55

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung: Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.



Phụ lục 3

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 2063 /GPMT-UBND ngày 30/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Số lượng (kg/năm)
1	Bông, băng gạc	Rắn	13 01 01	300
2	Máu và dịch thải từ phòng xét nghiệm	Lỏng	13 01 01	2.775
3	Bơm kim tiêm, găng tay	Rắn	13 01 01	200
4	Hóa chất xét nghiệm thải	Lỏng	13 01 02	60
5	Can, thùng đựng hóa chất xét nghiệm	Rắn	18 01 03	41
6	Chất hàn răng	Rắn	13 01 04	0,5
Tổng khối lượng phát sinh				3.376,5

1.2. Khối lượng chất thải rắn y tế thông thường

Phát sinh khoảng 2kg/ngày thành phần chủ yếu là vỏ bao bì các loại thuốc, vỏ chai lọ không chứa thành phần nguy hại, các loại dây truyền không dính bệnh phẩm,...

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt

- Phát sinh khoảng 240kg chất thải rắn sinh hoạt/ngày, thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, các loại chai lọ, đồ hộp, túi nilon,...

- Phát sinh khoảng 20m³ bùn từ bể tự hoại/năm; khoảng 800kg bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

- Đối với chất thải y tế nguy hại:

+ Trang bị 01 tủ bảo ôn dung tích 400 lít chứa các loại chất thải lây nhiễm (mô, bệnh phẩm).

+ Trang bị các loại bao bì, thùng chứa, thiết bị lưu chứa đáp ứng yêu cầu quy định tại Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế.

- Đối với chất thải nguy hại khác: Trang bị thùng chứa có nắp đậy đáp ứng yêu cầu quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT (có dán biên cảnh báo, ghi rõ mã chất thải nguy hại, kí hiệu và tên từng loại chất thải nguy hại,...).

2.1.2. Kho lưu chứa

- Bố trí 01 kho chứa chất thải nguy hại diện tích 6,5m² chứa các loại chất thải y tế nguy hại và chất thải nguy hại khác, có gắn dấu hiệu cảnh báo theo quy định. Kho được thiết kế, cấu tạo có tường gạch, sàn bê tông, dán nhãn cảnh báo và trang bị các thiết bị, dụng cụ phòng cháy, chữa cháy theo quy định.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng, được cấp giấy phép để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải y tế thông thường

Trang bị các thùng chứa rác bằng nhựa có nắp đậy dung tích từ 120 - 150 lít, lưu chứa tạm thời các loại chất thải rắn y tế thông thường tại kho có diện tích 6,5m²; hợp đồng với đơn vị chức năng xử lý theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt tại các khu vực phát sinh; hợp đồng với đơn vị có chức năng hằng ngày thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng để bơm hút, vận chuyển bùn từ các bể tự hoại, bùn từ bể chứa bùn của Trạm XLNT để xử lý theo quy định (tần suất trung bình khoảng 1 năm/lần).

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Đối với sự cố Trạm XLNT: Thực hiện theo Mục 1.4 Phần B Phụ lục 1.

4. Đối với sự cố cháy nổ: Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về phòng cháy chữa cháy, lắp đặt đầy đủ các trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ phòng cháy và chữa cháy theo quy định.

5. Chịu trách nhiệm xử lý các vấn đề ô nhiễm môi trường sau khi xảy ra sự cố (nếu có); chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra (nếu có).

Phụ lục 4
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số **2033** /GPMT-UBND ngày **30/6** /2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Tiếp tục đầu tư phân kỳ II với quy mô xây dựng 01 tòa nhà 9 tầng, 01 modul xử lý nước thải công suất 80m³/ngày.đêm và tăng số lượng giường bệnh thêm 150 giường bệnh, đạt quy mô 300 giường bệnh theo báo cáo ĐTM Dự án điều chỉnh bệnh viện đa khoa Yên Bình Thái Nguyên đã được phê duyệt tại Quyết định số 2060/QĐ-UBND ngày 09/07/2019 của UBND tỉnh Thái Nguyên để lập hồ sơ cấp Giấy phép môi trường theo quy định.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện công khai Giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn y tế thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Tổ chức thực hiện, tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp; trước khi hết thời hạn giấy phép 06 tháng, phải lập hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép môi trường theo quy định tại mục 6 khoản 12 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

5. Lập biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất theo quy định; tuân thủ nội quy đảm bảo an toàn, phòng chống nhiễm khuẩn hạn chế lây lan dịch bệnh; thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra.

6. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.